

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM Y TẾ  
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5/2/TB-TTYT

Lái Thiêu, ngày 28 tháng 4 năm 2026

## THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị có khả năng cung cấp dịch vụ Quan trắc môi trường lao động, nước thải y tế và không khí môi trường xung quanh năm 2026.

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để lập dự toán cho Dịch vụ Quan trắc môi trường lao động, nước thải y tế và không khí môi trường xung quanh năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin chung

Tên dự toán mua sắm: Quan trắc môi trường lao động, nước thải y tế và không khí môi trường xung quanh năm 2026

### II. Thông tin cơ bản về yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An.
- Phân loại báo giá: Cung cấp Dịch vụ.

### III. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá.

- Họ Tên: Võ Kiến Tài
- Chức vụ: Nhân viên phòng TCHC
- Điện thoại: 0833218844
- Địa chỉ: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An, đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Email: ttytdt2024@gmail.com

### IV. Các thức tiếp nhận báo giá

- Nhận hồ sơ trực tiếp tại địa chỉ: Phòng văn thư – Lầu 3 Trung tâm Y tế khu vực Thuận An, đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhận file điện tử: Email: ttytdt2024@gmail.com
- Địa điểm phát hành yêu cầu báo giá:
  - <http://trungtamytethuanan.com.vn>
  - <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 28 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 03 tháng 5 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu 60 ngày kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.

## V. Nội dung yêu cầu báo giá

### 1. Nội dung yêu cầu báo giá

*Đính kèm theo Thông báo chào giá*

### 2. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá:

- Bảng giá theo Mẫu số 01: Cung cấp file điện tử qua mail hoặc nhận trực tiếp.
- Hồ sơ công bố đủ điều kiện dự thầu trên trang mua sắm công về dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt.
- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của dịch vụ phù hợp khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

Trân trọng, *T.V*

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc;
- Các khoa phòng;
- Muasamcong.mpi.gov.vn;
- Website TTYT;
- Lưu: VT, TCHC(T);



**PHỤ LỤC**

(Đính kèm theo thông báo số 512/TB-TTYT ngày 28 tháng 4 năm 2026)

**1.1 Quan trắc chất thải****Quan trắc chất thải rắn y tế:**

**Vị trí quan trắc:** Khu vực lưu giữ chất thải rắn y tế tập trung.

**Tần suất:** Hàng ngày.

**Thành phần:**

+ Chất thải rắn y tế thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn tái chế;

+ Chất thải rắn y tế lây nhiễm/nguy hại: Chất thải rắn y tế lây nhiễm, chất thải rắn y tế nguy hại không lây nhiễm.

**Phương pháp:** Cân, đo khối lượng.

**Quan trắc nước thải y tế:****Vị trí quan trắc:**

+ Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải

**Tần suất:**

+ Tự động, liên tục (ngưng thực hiện do hệ thống XLNT chờ vận hành);

+ Định kỳ 3 tháng/lần.

**Thành phần:**

TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/BTNMT cột A, K=1,2	Tiêu chuẩn
1	pH	-	6,5 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	50	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	100	TCVN 6491:1999
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	TCVN 6625:2000
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0	TCVN 6637:2000
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	TCVN 5988:1995
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	TCVN 6180:1996
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng coliforms	MPN/ 100ml	5000	TCVN 6187-2:2020



11	<i>Salmonella</i>	Vị khuẩn/100ml	KPH	TCVN 10780-1:2017
12	<i>Shigella</i>	Vị khuẩn/100ml	KPH	
13	<i>Vibrio cholerae</i>	Vị khuẩn/100ml	KPH	

**Ghi chú:** KPH: không phát hiện

Việc quan trắc nước thải định kỳ phải bảo đảm thời gian, tần suất, thông số theo quy định của pháp luật. Đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục thì không phải quan trắc định kỳ.

### 1.2 Quan trắc môi trường không khí xung quanh

#### Vị trí quan trắc:

+ Khu vực giữa trung tâm bệnh viện: 01 vị trí

**Tần suất:** Định kỳ 3 tháng/lần.

#### Thành phần:

STT	Thông số	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	SO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	QCVN 05:2023/BTNMT
2	CO	µg/Nm <sup>3</sup>	QCVN 05:2023/BTNMT
3	NO <sub>2</sub>	µg/Nm <sup>3</sup>	QCVN 05:2023/BTNMT
4	Cl <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT
5	Ethanol	mg/m <sup>3</sup>	QCVN 03:2019/BYT
6	Các thông số khí tượng (tiếng ồn, bụi, nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng)		

**Ghi chú:**

- Dấu ( - ) là không quy định

### 1.3 Quan trắc môi trường lao động

**Vị trí quan trắc:** Bên trong các khoa/phòng, chọn 01 điểm trong phòng làm việc giữa khối nhà.

Stt	Vị trí khoa/phòng	Stt	Vị trí khoa/phòng
01	Khối văn phòng lầu 3 (bao gồm Tài chính kế toán)	09	HSCC
02	Khám bệnh (tầng trệt)	10	HSTC-CĐ
03	YHCT-PHCN	11	Nội
04	LCK – Khoa khám bệnh (tầng 1)	12	Nhi
05	CĐHA	13	Nhiễm

06	Xét nghiệm	14	Ngoại
07	Dược	15	Sản
08	KSNK	16	PTGM-HS

**Tần suất:** Định kỳ 1 năm/lần.

**Thành phần:**

TT	Thông số	Đơn vị tính	Phạm vi giới hạn	Tiêu chuẩn	Vị trí
<b>I</b>	<b>Vi khí hậu</b>				<b>14 Vị trí</b>
1	Nhiệt độ	Độ C	18-32	QCVN 26:2016/BYT	
2	Độ ẩm	%	40-80	QCVN 26:2016/BYT	
3	Tốc độ gió	m/s	0,2-1,5	QCVN 26:2016/BYT	
<b>II</b>	<b>Yếu tố vật lý</b>				
4	Tiếng ồn	dBA	- Phòng chức năng, phòng bệnh $\leq 65$ - Phòng mổ, phòng hành chánh $\leq 55$	QCVN 24:2016/BYT	14 Vị trí
5	Ánh sáng	Lux	$\geq 500$	QCVN 22:2016/BYT	14 Vị trí
6	Bức xạ - tia X	mSv/năm		TT 13/2018/TT-BKHCN	01 vị trí (Vtr 05)
7	Bức xạ từ ngoại - tia UV			QCVN 23:2016/BYT	04 vị trí (Vtr 8, 10, 15, 16)
<b>III</b>	<b>Bụi</b>				
8	Nồng độ bụi toàn phần	mg/m <sup>3</sup>	$\leq 8$	QCVN 02:2019/BYT	14 Vị trí
9	Nồng độ bụi hô hấp	mg/m <sup>3</sup>	$\leq 4$	QCVN 02:2019/BYT	02 Vị trí (Vtr 04, 12)
10	Bụi bông	mg/m <sup>3</sup>	1	QCVN 02:2019/BYT	01 vị trí (Vtr 08)
<b>IV</b>	<b>Hơi khí độc</b>				
7	CO <sub>2</sub>	nmg/m <sup>3</sup>	$\leq 9.000$	QCVN 03:2019/BYT	02 vị trí (Vtr 16, 02)
8	Cl <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	$\leq 1,5$	QCVN 03:2019/BYT	01 vị trí (Vtr 08)
9	Ethanol	mg/m <sup>3</sup>	$\leq 1.000$	QCVN 03:2019/BYT	
<b>V</b>	<b>Tiếp xúc các nguồn vi sinh vật gây bệnh</b>				14 vị trí (trừ hành chính và dược)

VI	Tác động về tâm sinh lý lao động và ergonomi				14 vị trí
----	--	--	--	--	-----------

Mẫu số 01  
BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

**Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An theo thông báo số....., chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp dịch vụ] – Mã số thuế: .....

Báo giá cho các dịch vụ liên quan như sau( Danh mục cần báo giá)

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	MÔ TẢ DỊCH VỤ
1	Quan trắc môi trường lao động, nước thải y tế và không khí môi trường xung quanh					

1. Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản liên quan và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật;

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày kể từ ngày .... tháng ..... năm 2025;

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các trang thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(10)</sup>**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

